

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/HNGĐ-ST
Ngày 20-7-2017
V/v: Ly hôn giữa chị Tvà anh B.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến D.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Văn B và bà Lê Thị T
- *Thư ký phiên toà:* Bà Lê Thị H – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 20/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 04/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1982

Trú tại: Thôn Chiềng 1, xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Bị đơn: Anh Dương Văn B, sinh năm 1976

Trú tại: Đội sản xuất số 2, Đoàn kinh tế Quốc phòng 5, tại: Xã Quang Chiểu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Từ cuối tháng 6 năm 2017 chuyển công tác về Ban chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi đề ngày 27/3/2017; bản tự khai và biên bản hòa giải giải 13/5/2017; Đơn trình bày ngày 20/7/2017 và quá trình xét xử, nguyên đơn Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và anh Dương Văn B tự do tìm hiểu, yêu đương, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc, hai người người tự nguyện đến

với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 11/7/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Giai đoạn đầu mới cưới nhau thì cuộc sống vợ chồng rất khó khăn, nhưng hai vợ chồng vẫn cố gắng khắc phục để lo cuộc sống gia đình, nên cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian dài. Năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, không thống nhất chung được quan điểm sống, quan điểm nuôi con, hay xảy ra cãi vã nhau... và do đặc thù công việc của hai vợ chồng nên phải sống xa nhau (do anh là bộ đội nên phải công tác xa nhà). Nguyên đơn đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thể hàn gắn. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015. Nay, Nguyên đơn thấy tình cảm vợ chồng không còn, không ai còn yêu thương ai nữa, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc cùng nhau nuôi dạy con cái đã không đạt được. Chúng tôi đã thỏa thuận và thống nhất thuận tình ly hôn, để chúng tôi yên tâm công tác và nuôi dạy con cái, đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống hai vợ chồng có 02 con chung, tên các cháu là: Dương Văn A, sinh ngày 08/01/2009 và cháu Dương Trúc L, sinh ngày 11/7/2015, hiện tại các cháu đang ở với Nguyên đơn. Nguyên vọng của Nguyên đơn là được nuôi cả 02 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành. Hiện nay Nguyên đơn và Bị đơn đã thỏa thuận Nguyên đơn là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành và thống nhất anh Bị đơn không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung. Sau này chúng tôi có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung khi thấy cần thiết. Đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận này.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chúng tôi thực hiện theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai ngày 22/5/2017, biên bản hòa giải ngày 13/5/2017; Đơn trình bày ngày 20/7/2017 và tại phiên tòa, bị đơn Dương Văn B trình bày:

Về Hôn nhân: Bị đơn thấy lời trình bày của Nguyên đơn là đúng. Hiện tại, Bị đơn thấy cuộc sống chung của hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau nhiều lần, hai vợ chồng không ngồi nói chuyện với nhau được, cuộc sống vợ chồng không cải thiện được, cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng không hạnh phúc, không ai còn yêu thương ai, mục đích hôn nhân không đạt được như

mong muốn. Nguyên vọng mong Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của chúng tôi.

Về con chung: Bị đơn và Nguyên đơn có 02 con chung, như Nguyên đơn trình bày là đúng. Nguyên vọng, khi ly hôn giao 02 cháu Dương Văn A, sinh ngày 08/01/2009 và cháu Dương Trúc L, sinh ngày 11/7/2015 cho mẹ các cháu là Trần Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các trưởng thành. Các quyền khác chúng tôi sẽ thực hiện sau khi thấy cần thiết. Đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận này.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chúng tôi thực hiện theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 12/5/2017 và biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2017 và tại phiên tòa, cháu Dương Văn A (Là con chung của Nguyên đơn và Bị đơn) trình bày: Cháu thấy bố mẹ thường xuyên cãi nhau, nhưng vẫn muốn bố mẹ ở với nhau. Hiện nay cháu đã học xong lớp 2 và chuẩn bị lên lớp 3. Hiện tại cháu đang ở với mẹ và em gái Dương Trúc L tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, nhưng được bố mẹ cháu gửi đến nhà bác H ở thị trấn Cẩm Thủy để theo học. Nếu bố mẹ cháu mà ly hôn thì cháu muốn được ở với mẹ, vì cháu thấy ở với mẹ rất tốt, rất thoải mái, được chơi với em của cháu, được đi học tiếng anh, ở với mẹ sẽ có điều kiện tốt hơn ở với bố, vì bố cháu không có nhiều thời gian chăm sóc cháu như mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Căn cứ điều vào các điều 28, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Mường Lát thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án này.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”.

[3] *Về tư cách tham gia tố tụng:* Căn cứ điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Trần Thị T là Nguyên đơn; anh Dương Văn B là bị đơn.

[4] *Việc chấp hành pháp luật của Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng:* Về người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, thì người tiến hành luôn tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng, gồm: Thông báo thụ lý vụ án; yêu cầu cung cấp lời khai; lấy lời khai; xác minh tình trạng hôn nhân; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải..... theo quy định của Bộ luật dân sự và đã tổng đạt đầy đủ, đúng thời gian các thủ tục tố tụng cho người tham

gia tố tụng. Về người tham gia tố tụng: Đối với Nguyên đơn luôn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với các bị đơn thì trong giai đoạn thụ lý đã chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình khi Tòa án triệu tập, nhưng đến ngày 28/6/2017 là ngày mở phiên tòa lần thứ nhất nhưng anh Dương Văn B đã không có mặt theo giấy triệu tập và không có lý do, nên Tòa án phải hoãn phiên Tòa, đến ngày mở lại phiên Tòa thì anh Dương Văn B chấp hành đúng quy định của pháp luật.

[5] *Về hôn nhân của Nguyên đơn Trần Thị T và Bị đơn Dương Văn B*: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của các đương sự tại các bản khai, Biên bản hòa giải, Đơn trình bày và tại phiên tòa thì: Nguyên đơn và Bị đơn tự do tìm hiểu, yêu đương, không ai ép buộc ai và không bị ai ép buộc. Năm 2006 hai bên tự nguyện đến với nhau và đăng ký kết hôn ngày 11/7/2006 tại UBND xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy, tính đến thời điểm kết hôn thì hai bên đã đủ tuổi kết hôn và đăng ký kết hôn đúng theo quy định tại điều 8 và điều 9 luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình chung sống của chị T xét thấy 02 vợ chồng không hạnh phúc, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ngày 27/3/2017 chị Trần Thị T làm đơn xin ly hôn với anh Dương Văn B, căn cứ khoản 1, điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Chị T làm đơn gửi đến Tòa án là đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các bản khai, tại phiên hòa giải, Đơn trình bày của các đương sự ngày 20/7/2017 và tại phiên Tòa thì chị T và anh B vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận sự tự nguyện ly hôn. Tòa án xét thấy hai bên đã thật sự tự nguyện ly hôn, không ai ép buộc ai, không trái đạo đức xã hội và không vi phạm pháp luật, căn cứ điều 51, điều 55, điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Tòa án công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Dương Văn B.

[6] *Về con cái và cấp dưỡng*: Trong quá trình chung sống thì chị T và anh B có 02 con chung, tên các cháu là Dương Văn A, sinh ngày 08/01/2009 và cháu Dương Trúc L, sinh ngày 11/7/2015, hiện tại các cháu đang ở với chị Thương. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thừa nhận đó là con chung, căn cứ điều 88 Luật hôn nhân và Gia đình thì cháu Dương Văn A và Dương Trúc L là con chung của chị T và anh B. Tại các bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên Tòa thì chị Trần Thị T đề nghị Tòa án giao cả 02 cháu cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành, không yêu cầu anh B đóng góp phí tổn nuôi con chung, tại đơn trình bày của các đương sự ngày 20/7/2017 và tại phiên tòa thì các đương sự đã thật sự thống nhất giao cháu Dương Văn A, sinh ngày 08/01/2009 và cháu Dương Trúc L, sinh

ngày 11/7/2015 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành. Đồng thời tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa thì nguyện vọng của cháu Dương Văn A muốn được ở với mẹ và em gái của mình. Tòa án xét thấy thỏa thuận của anh B và chị T không trái đạo đức, hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm pháp luật và nguyện vọng của cháu Dương Văn A là hợp lý, hơn nữa để các cháu ở với mẹ sẽ đảm bảo cho cháu về sự phát triển của các cháu, gắn kết tình cảm giữa các cháu, căn cứ khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình thì giao cháu Dương Văn A, sinh ngày 08/01/2009 cho chị Thương chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục là hợp lý. Anh Dương Văn B và chị Trần Thị T có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung khi có đủ điều kiện quy định tại điều 84, điều 116, điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình và mục 26 phần III của Giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao. Tòa án thấy thỏa thuận của các đương sự là phù hợp, không trái đạo đức, không vi phạm pháp luật, đảm bảo sự phát triển của các cháu, nên cần chấp nhận sự thỏa thuận này.

[6] *Về tài sản chung, công nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[7] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 24, khoản 7 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28, điều 35, điều 68, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, điều 9, khoản 1 điều 51, điều 55, điều 58, điều 81, điều 83, điều 84, điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 điều 24, khoản 7 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về Hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Dương Văn B.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thị T và anh Dương Văn B là: Giao các cháu Dương Văn A, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2009 và cháu Dương Trúc L, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2015 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành. Anh B

không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T. Anh Dương Văn B có quyền được thăm nom các con chung của mình, không ai được cản trở, ngăn cấm. Anh Dương Văn B và chị Trần Thị T có quyền làm đơn thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung có căn cứ theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Tòa không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, chấp nhận chị Trần Thị T đã nộp số tiền án phí sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp ngày 11/4/2017 theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2010/001031 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Án xử công khai, có mặt các đương sự. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Mường Lát;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Mường Lát;
- UBND xã Cẩm Ngọc, H. Cẩm Thủy, T. Thanh Hóa;
- Nguyên đơn Trần Thị T;
- Bị đơn Dương Văn B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến D